TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2023/DS-PT
Ngày: 19 -7-2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Nguyên Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Xuân Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023 về: "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2023/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:127/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bạch Kim S, sinh năm 1961; cư trú tại: Xóm Tây Viên, thôn Đông Bình, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định (có mặt)

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Lệ T, sinh năm 1962; cư trú tại: Xóm Tây Viên, thôn Đông Bình, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Bạch Ngọc V, sinh năm 1993; (có đơn xin vắng mặt)
2. Chị Bạch Thùy D, sinh năm 1995; (có đơn xin vắng mặt)
3. Anh Bạch Ngọc Ph, sinh năm 2003; (có mặt)
4. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1963; (có đơn xin vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1970; (có mặt)

Cùng cư trú tại: Xóm T, thôn Đ, xã N, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định

6. Chị Thiệu Thị Mỹ Y, sinh năm 1984; cư trú tại: Xóm T, thôn Th 2, xã N, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. (có đơn xin vắng mặt)

7. Ông Nguyễn M, sinh năm 1955; cư trú tại: Xóm T, thôn N, xã N, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định (có đơn xin vắng mặt)

8. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1968; cư trú tại: Xóm A, thôn N, xã N, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định (có đơn xin vắng mặt)

9. Chị Thiệu Thị Mỹ Th, sinh năm 1987; cư trú tại: Số 40/12B Huỳnh Thúc Kháng, phường B, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. (có đơn xin vắng mặt)

10. Chị Thiệu Thị Mỹ M, sinh năm 1989; cư trú tại: Thôn V, xã P, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (có đơn xin vắng mặt)

11. Anh Thiệu Vĩnh T, sinh năm 1990; cư trú tại: Số nhà 91 đường Hùng Vương, phường 11, thành phố Đ, tỉnh L. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị Lệ T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Bạch Kim S trình bày:

Ông và bà Trần Thị Lệ T không có quan hệ bà con mà chỉ là người cùng địa phương nên biết nhau. Vợ của ông tên Nguyễn Thị M (chết năm 2009). Hàng thừa kế thứ nhất của bà M gồm: Bạch Kim S, Bạch Ngọc V, Bạch Thùy D, Bạch Ngọc P và Nguyễn Thị B (mẹ vợ của ông). Ông và bà M không có con nuôi hoặc con riêng nào khác.

Cha mẹ vợ của ông chết trước mẹ vợ của ông. Mẹ vợ của ông chết năm 2019. Cha mẹ vợ của ông có tất cả 05 người con chung gồm: Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị B và Nguyễn Thị M. Ngoài ra cha mẹ vợ của ông không có con nuôi hoặc con riêng nào khác. Ông bà ngoại của vợ ông đều chết trước mẹ vợ của ông.

Thửa đất số 1975, tờ bản đồ số 8, diện tích 210m^2, tọa lạc tại xóm T, thôn Đ, xã N, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định được Ủy ban nhân dân huyện An Nhơn (nay là Ủy ban nhân dân thị xã An Nhơn) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02211/QSDĐ/I14, ngày 17/4/2006 đứng tên vợ chồng ông là Bạch Kim S và Nguyễn Thị M. Nguồn gốc của thửa đất 1975 do vợ chồng ông nhận chuyển nhượng QSDĐ từ vợ chồng ông Trần Văn B ở cùng địa phương. Thửa đất có tứ cận: Phía Bắc giáp đường đi liên thôn; phía Nam và phía Tây giáp đất của ông Trần Thanh D; phía Đông giáp thửa đất số 519b của bà Trần Thị Lệ T. Phần ranh

giới phía Bắc, phía Nam và phía Tây không tranh chấp. Theo GCNQSDĐ, chiều rộng của thửa đất là 6,0m. Tuy nhiên, theo sơ đồ hiện trạng đã được Hội đồng định giá lập thì cạnh phía Nam của thửa đất 1975 chỉ còn 5,52m. Ông xác định ranh giới giữa hai thửa 1975 và 519b là đường thẳng, phần đất thuộc thửa đất số 1975 nằm ở phía Tây của ranh giới, phần đất thuộc thửa đất số 519b nằm ở phía Đông của ranh giới. Theo sơ đồ hiện trạng: Thửa đất số 1975 lấn sang thửa đất số 519b 0,4m^2 thì ông thống nhất; còn thửa đất số 519b lấn sang thửa đất số 1975 2,9m^2 thì ông không thống nhất, theo ông là lấn 5,52m^2. Ông đồng ý trả lại cho bà T 0,4m^2, bà T phải trả cho ông 5,52m^2. Ngoài ra ông không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn Trần Thị Lệ T trình bày:

Thửa đất 519b, tờ bản đồ số 8, diện tích 1345m^2 (trong đó 200m^2 đất ở, 1145m^2 đất vườn), tọa lạc tại xóm T, thôn Đ, xã N, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định được UBND huyện An Nhơn) cấp GCNQSDĐ số 1698/QSDD/I14, ngày 11/6/1996 cho hộ gia đình bà Trần Thị Lệ T làm chủ hộ, thời điểm cấp GCNQSDĐ hộ gia đình của bà Thu gồm có 05 nhân khẩu: Trần Thị Lệ T, Thiệu Thị Mỹ Y, Thiệu Thị Mỹ Th, Thiệu Thị Mỹ M, Thiệu Vĩnh T. Chồng bà chết năm 1990 nên không được giao đất nông nghiệp. Thửa đất có tứ cận: Phía Bắc giáp đường đi, phía Nam giáp nhà ông Cảnh, phía Đông giáp nhà ông Tha và ông Hậu, phía Tây giáp thửa đất ông Bạch Kim S, ông Trần Thanh D và bà Trần Thị Kha,. Phần ranh giới phía Tây của thửa đất số 519b giáp phần ranh giới phía Đông của thửa đất số 1975 của ông S.

Từ trước đến nay, từ cột mốc phía Tây Bắc đến cột mốc phía Tây Nam của thửa đất 519b là một đường thẳng. Trên đường thẳng này có 4 cột mốc thẳng hàng, theo thứ tự từ Bắc đến Nam, cột mốc đầu tiên giữa thửa đất của bà và thửa đất của ông S không tranh chấp . Cột mốc thứ hai ở vị trí phía Đông Nam của thửa đất 1975 hiện nay ông Sinh đang tranh chấp. Hiện nay, cột mốc này là cột mốc bê tông đã được các chủ sử dụng đất là ông D, ông S và bà ký xác định ranh giới. Ông S cho rằng bà đã lấn chiếm đất của ông S là không đúng. Theo trích lục bản đồ kèm theo GCNQSDĐ của bà thì ranh giới phía Tây của thửa đất 519b là một đường thẳng.

Bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S. Bà xác định ranh giới phía Tây của thửa đất 519b hiện nay như hiện trạng và yêu cầu giữ nguyên hiện trạng của hai thửa đất. Tại phiên tòa, bà yêu cầu Tòa án phải đo đạc lại toàn bộ diện tích của các chủ sử dụng đất liền kề mới có cơ sở giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bạch Ngọc V, chị Bạch Thùy D, anh Bạch Ngọc Ph, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn M, ông Nguyễn Văn Qthống nhất trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 1975, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xóm T, thôn Đ, xã N, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định do vợ chồng ông Bạch Kim S và bà Nguyễn Thị M tạo lập. Các đương sự thống nhất toàn bộ lời khai và yêu cầu của nguyên đơn và không có ý kiến hoặc yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thiệu Thị Mỹ Y, chị Thiệu Thị Mỹ Th, chị Thiệu Thị Mỹ M, anh Thiệu Vĩnh T thống nhất trình bày:

Các anh chị là con của bà Trần Thị Lệ T, các anh chị thống nhất toàn bộ lời khai và yêu cầu của bị đơn và không có ý kiến hoặc yêu cầu nào khác.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2023/DS-ST ngày 23/3/2023 của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bạch Kim S. Xác định hiện nay bà Trần Thị Lệ T lấn sang thửa đất số 1975 với diện tích 2,9m^2 và ông Bạch Kim Sinh lấn sang thửa đất số 519b với diện tích 0,4m^2.

Giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất theo sơ đồ hiện trạng lập ngày 22/6/2022. Xác định phần đất có ký hiệu A, diện tích theo hiện trạng là 203,3m^2 do ông Bạch Kim S có quyền sử dụng. Xác định phần đất có ký hiệu B, diện tích theo hiện trạng là 1389,4m^2 do hộ gia đình bà Trần Thị Lệ T có quyền sử dụng. (có sơ đồ kèm theo)

Buộc bà Trần Thị Lệ T phải thanh toán lại cho ông Bạch Kim S giá trị QSDĐ tương ứng với phần đất đã lấn chiếm chênh lệch là 12.500.000 đồng.

Buộc bà Trần Thị Lệ T phải thanh toán lại cho ông Bạch Kim S chi phí định giá là 3.000.000 đồng .

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 03/4/2023, bà Trần Thị Lệ T có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bạch Kim Sinh, buộc ông Bạch Kim Sinh phải chịu mọi chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Lệ T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ tại kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1] xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Lệ T Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Theo sơ đồ hiện trạng lập ngày 22/6/2022 và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/6/2023 từ vị trí cột mốc phía Đông Bắc của thửa đất số 1975 kéo dài về phía Nam 12,36 mét hiện nay ông Sinh và bà Thu không tranh chấp. Cột mốc phía Tây Bắc và phía Tây Nam của thửa đất số 1975 hiện nay ông S và ông Trần Thanh D không tranh chấp. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định về phạm vi tranh chấp giữa ông S và bà T chỉ tranh chấp cột mốc phía Đông Nam của thửa đất số 1975. Bà T cho rằng cột mốc phía Đông Nam của thửa đất số1975 hiện nay là trụ bê tông. Theo sơ đồ hiện trạng thì khoảng cách từ cột mốc phía Tây Nam của thửa đất số 1975 đến trụ bê tông, theo xác định của bà T là 5,52 mét. Ông S cho rằng cột mốc phía Đông Nam của thửa đất số 1975 là vị trí cách trụ bê tông 0,48 mét về phía Đông. Theo sơ đồ hiện trạng thì khoảng cách từ cột mốc phía Tây Nam của thửa đất số 1975 đến cột mốc phía Đông Nam của thửa đất số1975 theo xác định của ông S là 6 mét theo đúng như sơ đồ trong GCN số H02211/QSDĐ/I14 ngày 17/4/2006 của UBND huyện An Nhơn cấp cho ông Bạch Kim Sinh, bà Nguyễn Thị M với chiều rộng phía Nam thửa đất số 1975 là 6 mét. Hội đồng xét xử thấy cột mốc phía Đông Nam của thửa đất số 1975 theo xác định của ông S là có căn cứ chấp nhận. Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, ông S, bà T đều xác định ranh giới thửa đất 519b và thửa đất 1975 là một đoạn thẳngnhưng theo sơ đồ hiện trạng lập ngày 22/6/2022 thì ranh giới giữa hai thửa đất hiện nay là đường gấp khúc gồm bốn đoạn thẳng có độ dài từ Bắc đến Nam theo thứ tự 12,36 mét, 11,34 mét, 1,57 mét, 8,96 mét. Hội đồng xét xử xác định ranh giới giữa hai thửa đất từ điểm cách cột mốc phía Đông Bắc của thửa đất số 1975 về hướng Nam 12,36 mét đến cột mốc phía Đông Nam của thửa đất số1975, theo xác định của Hội đồng xét xử là đoạn thẳng. Phần đất nằm ở phía Đông của ranh giới thuộc quyền sử dụng của bà T, phần đất năm ở phía Tây của ranh giới thuộc quyền sử dụng của ông S. Đối chiếu với sơ đồ hiện trạng cũng như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/6/2023. Hội đồng xét xử xác định ông S lấn sang phần đất của bà T 0,4m^2 đất. Bà T lấn phần đất của ông S 2,9m^2 đất (trong đó có 0,1m^2 nhà vệ sinh) diện tích đất lấn chiếm chênh lệch mà bà T lấn sang ông S là 2,5m^2. Ông Syêu cầu bà T phải trả lại phần đất bị lấn chiếm 5,52m^2 là có phần phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 164 của Bộ luật Dân sự nên có căn cứ chấp nhận một phần. Ông Scho rằng ranh giới từ cột mốc Đông Bắc 12,36 mét đến cột mốc phía Đông Nam của thửa đất 1975 theo xác định của ông Sinh là một đoạn thẳng nên xác định không lấn chiếm đất của bà T. Theo cách xác định này thì Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định ông S có lấn sang phần đất của bà T

0,4m^2 và tại phiên tòa sơ thẩm ông S thừa nhận lấn sang đất của bà T 0,4m^2 nên ông S đồng ý trả cho bà T 0,4m^2 đất. Mặc dù, phần đất và tài sản gắn liền với đất của bà T lấn sang thửa đất số 1975 nhưng diện tích lấn chiếm chênh lệch chỉ 2,5 mét. Hơn nữa, tại vị trí đang tranh chấp, ông S chưa xây dựng công trình nào, trong khi bà T đã xây dựng hoàn chỉnh nhà vệ sinh, nếu tháo dỡ một phần nhà vệ sinh lấn chiếm sẽ ảnh hưởng đến kết cấu toàn bộ công trình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải tháo dỡ một phần nhà vệ sinh của bà T xây trên phần đất lấn chiếm mà chỉ cần thanh toán giá trị quyền sử dụng đất mà bà Thu đã lấn chiếm 2,5m^2, theo giá trị tại biên bản định giá ngày 22/6/2022 giá trị quyền sử dụng đất được tính: 2,5m^2 x 5.000.000 đồng/m^2 = 12.500.000 đồng là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị Lệ T không đưa ra các tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình và tại phiên tòa phúc thẩm bà T cũng không yêu cầu Tòa đo đạc toàn bộ diện tích nguyên thửa đất số 519a của ông Trần Văn B, hiện nay đã tách ra thành 4 thửa đất trong đó có thửa đất của ông Bạch Kim S. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Lệ T giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm là phù hợp.

Các phần còn lại của Bản án Dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên được giữ nguyên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2] Về án phí, chi phí tố tụng khác:

[2.1] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Điều 2 Luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Trần Thị Lệ T là người cao tuổi nên được miễn án phí Dân sự phúc thẩm.

[2.2] Về Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ phúc thẩm: Bà Trần Thị Lệ T phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) bà T đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng xong.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm cũng như về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Lệ T. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 148 khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 164 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 166, khoản 1 Điều 170 luật đất đai năm 2013; Điều 2 Luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Lệ T.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bạch Kim Sinh xác định hiện nay bà Trần Thị Lệ T lấn sang thửa đất số 1975 với diện tích 2,9m^2 (hai phảy chín mét vuông) và ông Bạch Kim S lấn sang thửa đất số 519b với diện tích 0,4m^2 (không phảy bốn mét vuông)

2. Giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất tho sơ đồ hiện trạng lập ngày 22/6/2022. Xác định phần đất có ký hiệu A, diện tích theo hiện trạng là 203,3m^2 do ông Bạch Kim S có quyền sử dụng, xác định phần đất có ký hiệu B diện tích theo hiện trạng là 1389,4m do hộ gia đình bà Trần Thị Lệ T có quyền sử dụng (có sơ đồ kèm theo)

3. Buộc bà Trần Thị Lệ T phải thanh toán lại cho ông Bạch Kim S giá trị quyền sử dụng đất tương ứng với phần đất đã lấn chiếm chênh lệch là 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Buộc bà Trần Thị Lệ T phải thanh toán lại cho ông Bạch Kim S chi phí định giá là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

5. Bà Trần Thị Lệ T phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ phúc thẩm, bà T đã nộp xong.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bạch Kim S và bà Trần Thị Lệ T được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Lệ T được miễn nên không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

8. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

8.1 Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong) bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357,khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

8.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã An Nhơn;
- CCTHADS thị xã Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tuấn

THÀNH VIÊN HĐXX **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Xuân Nguyễn Thị Thanh Bình Nguyễn Thanh Tuấn